

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ NHIỆM VỤ CHI 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023

Kèm theo báo cáo số: 43/BC-UBND ngày 26 tháng 06 năm 2023 của UBND xã Gia Tân

Đơn vị : Đồng

TT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023					THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM	TỶ LỆ % SO VỚI			ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG CUỐI NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2023
		DỰ TOÁN ĐẦU NĂM		CHUYỂN NGUỒN NĂM 2023 SANG NĂM 2024	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG	DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG		DỰ TOÁN HUYỆN GIAO	DỰ TOÁN HĐND QUYẾT ĐỊNH ĐẦU NĂM	DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG		
		HUYỆN GIAO	HĐND QUYẾT ĐỊNH									
	A	1	2	3	4	5=2+3+4	6	7=6/1*100	8=6/2*100	8=6/5*100	9	10
	TỔNG CHI NSX(I+II+III)	4,296,000,000	4,296,000,000	-	1,752,359,700	6,048,359,700	3,690,901,623	85.9%	85.9%	61.0%	5,778,077,189	9,468,978,812
I	Chi đầu tư phát triển	-	-	-	1,674,159,700	1,674,159,700	1,674,159,700				3,420,619,112	5,094,778,812
1	Chi đầu tư XDCB		-		1,674,159,700	1,674,159,700	1,674,159,700				3,420,619,112	5,094,778,812
II	Chi thường xuyên	4,296,000,000	4,296,000,000	-	78,200,000	4,374,200,000	2,016,741,923	46.9%	46.9%	46.1%	2,357,458,077	4,374,200,000
1	Chi DQTV, an ninh trật tự	295,900,000	351,745,000	-	40,000,000	391,745,000	198,221,200	67.0%	56.4%	50.6%	193,523,800	391,745,000
	- Chi dân quân tự vệ	214,100,000	209,091,000			209,091,000	150,361,200	70.2%	71.9%	71.9%	58,729,800	209,091,000
	- Chi an ninh trật tự	81,800,000	142,654,000		40,000,000	182,654,000	47,860,000	58.5%	33.5%	26.2%	134,794,000	182,654,000
2	Chi SN giáo dục	13,400,000	10,000,000			10,000,000	10,000,000	74.6%	100.0%	100.0%	-	10,000,000
3	Chi SN y tế	12,900,000	13,000,000			13,000,000		0.0%	0.0%	0.0%	13,000,000	13,000,000
4	Chi SN văn hoá, thông tin	42,500,000	73,136,000			73,136,000	24,544,000	57.8%	33.6%	33.6%	48,592,000	73,136,000
5	Chi SN truyền thanh	18,800,000				-		0.0%			-	-
6	Chi SN Môi trường	21,000,000	41,000,000			41,000,000	16,800,000	80.0%	41.0%	41.0%	24,200,000	41,000,000
7	Chi SN thể dục, thể thao		10,000,000	-		10,000,000			0.0%	0.0%	10,000,000	10,000,000
8	Chi SN kinh tế	37,800,000	35,300,000	-	-	35,300,000	4,000,000	10.6%	11.3%	11.3%	31,300,000	35,300,000
	- SN giao thông	24,600,000	20,300,000	-		20,300,000		0.0%	0.0%	0.0%	20,300,000	20,300,000
	- SN nông - lâm - thủy lợi	13,200,000	15,000,000			15,000,000	4,000,000	30.3%	26.7%	26.7%	11,000,000	15,000,000
	- Chi hoạt động kinh tế khác					-					-	-
9	Chi SN xã hội	260,000,000	261,057,000		38,200,000	299,257,000	155,728,000	59.9%	59.7%	52.0%	143,529,000	299,257,000
10	Chi QLNN, Đảng, Đoàn thể	3,588,300,000	3,500,762,000	-	-	3,500,762,000	1,607,448,723	44.8%	45.9%	45.9%	1,893,313,277	3,500,762,000
	- Quản lý NN HĐND và UBND	2,605,600,000	2,196,062,000			2,196,062,000	1,056,199,723	40.5%	48.1%	48.1%	1,139,862,277	2,196,062,000
	'- Đảng	586,700,000	551,376,000			551,376,000	232,043,000	39.6%	42.1%	42.1%	319,333,000	551,376,000
	- MTTQ và các đoàn thể	396,000,000	753,324,000	-	-	753,324,000	319,206,000	80.6%	42.4%	42.4%	434,118,000	753,324,000
	+ Mặt trận Tổ quốc		246,429,000			246,429,000	100,088,000		40.6%	40.6%	146,341,000	246,429,000
	+ Đoàn thanh niên CSHCM		131,023,000	-	-	131,023,000	56,128,000		42.8%	42.8%	74,895,000	131,023,000
	+ Hội phụ nữ VN		121,635,000			121,635,000	57,504,000		47.3%	47.3%	64,131,000	121,635,000
	+ Hội cựu chiến binh VN		108,567,000			108,567,000	44,064,000		40.6%	40.6%	64,503,000	108,567,000
	+ Hội nông dân VN		145,670,000			145,670,000	61,422,000		42.2%	42.2%	84,248,000	145,670,000
11	Chi khác	5,400,000				-					-	-
III	Chuyển nguồn sang năm 2024 (Nguồn thực hiện cải cách tiền					-					-	-

TT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023					THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM	TỶ LỆ % SO VỚI			ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG CUỐI NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2023
		DỰ TOÁN ĐẦU NĂM		CHUYỂN NGUỒN NĂM 2023 SANG NĂM 2024	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG	DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG		DỰ TOÁN HUYỆN GIAO	DỰ TOÁN HĐND QUYẾT ĐỊNH ĐẦU NĂM	DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG		
		HUYỆN GIAO	HĐND QUYẾT ĐỊNH									
	A	1	2	3	4	5=2+3+4	6	7=6/1*100	8=6/2*100	8=6/5*100	9	10

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ NHIỆM VỤ THU 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023

Kèm theo báo cáo số: 43/BC-UBND ngày 26 tháng 06 năm 2023 của UBND xã Gia Tân

Đơn vị : Đồng

TT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN		ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM	TỶ LỆ % SO VỚI		ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG CUỐI NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2023
		DT huyện giao và dự toán HĐND xã xây dựng đầu năm 2023	Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung năm 2023		DT huyện giao và dự toán HĐND xã xây dựng	Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung năm 2023		
		1	2	3	4=3/1*100	5=3/2*100	6	7
	TỔNG THU NGÂN SÁCH XÃ (I+II+III+IV)	4,296,000,000	6,048,359,700	4,009,768,973	93.3%	66.3%	5,859,209,839	9,868,978,812
I	Các khoản thu xã hưởng 100%	56,000,000	56,000,000	26,836,518	47.9%	47.9%	49,578,000	76,414,518
1	Phí và lệ phí	12,000,000	12,000,000	7,422,000	61.9%	61.9%	4,578,000	12,000,000
2	Thu từ quỹ đất công ích và đất công	14,000,000	14,000,000	15,000,000	107.1%	107.1%	15,000,000	30,000,000
3	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			4,414,518				4,414,518
4	Thu các khoản đóng góp tự nguyện						-	
5	Thu khác	30,000,000	30,000,000		0.0%	0.0%	30,000,000	30,000,000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	285,000,000	285,000,000	310,572,755	109.0%	109.0%	728,518,495	1,039,091,250
2	Thuế thu nhập cá nhân	48,000,000	48,000,000	43,279,882	90.2%	90.2%	4,720,118	48,000,000
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	68,000,000	68,000,000	4,765,320	7.0%	7.0%	63,234,680	68,000,000
5	Thu phí môn bài	21,000,000	21,000,000	16,900,000	80.5%	80.5%	4,100,000	21,000,000
6	Lệ phí trước bạ nhà, đất	60,000,000	60,000,000	20,360,300	33.9%	33.9%	39,639,700	60,000,000
7	Thuế Giá trị Gia Tăng (VAT)	88,000,000	88,000,000	71,176,003	80.9%	80.9%	16,823,997	88,000,000
4	Thu tiền sử dụng đất			154,091,250			600,000,000	754,091,250
III	Thu chuyển nguồn		1,074,365,700	1,074,365,700		100.0%	3,046,113,344	4,120,479,044
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	3,955,000,000	4,632,994,000	2,597,994,000	65.7%	56.1%	2,035,000,000	4,632,994,000
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	3,955,000,000	3,955,000,000	1,920,000,000	48.5%	48.5%	2,035,000,000	3,955,000,000
2	Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên		677,994,000	677,994,000		100.0%	-	677,994,000